TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 5 - 2018
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Dũng
Ông Nguyễn Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27/12/2018 về việc "Ly hôn", do có kháng cáo của bị đơn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2018/QĐPT ngày 23/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ-HPT ngày 07/5/2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/QĐ ngày 16/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông LCT, sinh năm: 1967;

Địa chỉ thường trú: Số 1D LTV, phường 9, thành phố X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Số 42H, đường B, phường 9, thành phố X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà VTT , sinh năm: 1970;

Địa chỉ nơi cư trú: Số 1D LTV, phường 9, thành phố X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20-10-2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông LCT trình bày:

Ông và bà VTT chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà VTT.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên LCQ, sinh ngày 30/5/1995 và LTH, sinh ngày 18/3/1998 (tất cả đều trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

- *Bị đơn bà VTT trình bày*:

Về điều kiện chung sống và kết hôn đúng như ông LCT trình. Bà cho rằng, trước đây do có mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên Bà đã từng làm đơn ly hôn với ông LCT, tuy nhiên, sau đó vợ chồng hàn gắn lại nên Bà rút đơn. Đến nay, ông LCT có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, Bà không muốn gia đình đổ vỡ, con cái thiếu sự dạy bảo của bố, đồng thời Bà vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như ông LCT đã nêu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DSST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của ông LCT với bà VTT; ông LCT được ly hôn với bà VTT.

Về con chung: Ông LCT và bà VTT có 02 (hai) con chung tên LCQ, sinh ngày 30/5/1995; LTH, sinh ngày 18/3/1998 (tất cả đều trưởng thành bình thường).

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/02/2018, bà VTT có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại với những nội dung sau:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 22/2018/DSST ngày 08/02/2018 của TAND thành phố X theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông LCT, vì ông LCT có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và trước đây ông LCT đồng ý giao cho Bà 200.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn không thực hiện mà cấp sơ thẩm vẫn không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà VTT, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xác định quan hệ tranh chấp cần được giải quyết là "Ly hôn" theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều sinh sống tại thành phố X, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND thành phố X theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Ông LCT và bà VTT đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố X vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, nên là hôn nhân hợp pháp theo qui định của pháp luật.

Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông LCT là do bất đồng về kinh tế trong gia đình, không có sự chia sẻ với nhau trong mọi vấn đề của cuộc sống; tình cảm ngày càng rạn nứt, vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, thời gian gần đây hai người đã sống ly thân nhau. Tuy nhiên, bà VTT lại cho rằng Bà vẫn còn tình cảm với chồng nên không chấp nhận ly hôn.

Qua trình bày của các bên cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng ông LCT, bà VTT mâu thuẫn với nhau mấy năm nay là có thật. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và về kinh tế gia đình mà cả hai bên đều không có biện pháp để giải quyết, hàn gắn hạnh phúc. Mỗi người chỉ sống cho cá nhân của mình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực tế hai người đã sống ly thân nhau. Trước đây, bà VTT cũng đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông LCT, nhưng sau đó lại rút đơn. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, hạnh phúc là sự tự nguyện của cả hai bên, việc vợ chồng có thực sự hạnh phúc và trọn đời chung sống với nhau được hay không chủ yếu là do con tim phải thuộc về nhau, nếu chỉ mình bà VTT muốn hàn gắn, níu kéo nhưng ông LCT hoàn toàn không hề rung động và không hề muốn quay lại thì sự níu kéo này cũng hoàn toàn vô nghĩa, thực tế kể từ lâu hai tâm hồn đã không còn thuộc về nhau. Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông LCT thì bà VTT cũng không có được hạnh phúc thực sự mà ngược lại sẽ làm cả hai càng thêm mệt mỏi, cuộc sống gia đình càng đi vào bế tắc. Một khi cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được thì ly hôn cũng là một giải pháp cần được áp dụng để giải quyết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử để ông LCT và bà VTT ly hôn là phù hợp với thực trạng mâu

thuẫn cũng như quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà VTT.

[2.2] Về con chung: Ông LCT và bà VTT có 02 (hai) con chung tên LCQ, sinh năm 1995; LTH, sinh năm 1998, tất cả đều đã trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết, nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông LCT và bà VTT không ai yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét. Tuy nhiên, nội dung kháng cáo bà VTT cho rằng: Trước đây ông LCT đồng ý giao cho bà 200.000.000đồng nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung (thể hiện tại bản tự khai của bà VTT và biên bản hòa giải ngày 19/12/2017- Bút lục số 21, 22, 30), nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng, cấp phúc thẩm không có quyền xem xét về nội dung này. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà VTT. Giành quyền khởi kiện cho các bên đương sự về tranh chấp tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật, nếu như có yêu cầu.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã tính đúng, nên không xem xét lại.

[4] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Vì kháng cáo không được chấp nhận, nên bà VTT phải nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2018/DSST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của ông LCT với bà VTT.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông LCT được ly hôn bà VTT.

- Về con chung: Ông LCT và bà VTT có 02 (hai) con chung tên LCQ, sinh năn 1995; và LTH, sinh năm1998 (Tất cả đều đã trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét).

- Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết từ cấp sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho các bên đương sự về tranh chấp tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bằng môt vụ án khác theo quy định của pháp luật, nếu như có yêu cầu.

2. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà VTT phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001017 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Như vậy, bà VTT đã nộp đủ.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 17/5/2018).

Nơi nhận:
-VKSND Tỉnh BR_VT;
-TAND TP-X;
-THA DS TP X;
-UBND P 09, TP X;
-Đương sự;
-lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà.

Đoàn Ngọc Thiện